

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2023

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP. HỒ CHÍ MINH

Mã chứng khoán: SAP

Địa chỉ : 240 Trần Bình Trọng, P.4, Quận 5, Tp.HCM

Điện thoại : 028.38353171 Fax: 028- 38352027

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Thông tin khái quát :

Công ty cổ phần In Sách Giáo Khoa Tp.HCM được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Xí nghiệp In Sách Giáo Khoa Tp.HCM thuộc Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam (NXBGDVN) theo Quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng BGD &ĐT. Công ty đã được Sở kế hoạch đầu tư Tp.HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 đăng ký lần đầu ngày 30/01/2004. Công ty đã 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 09/05/2022 với mã số doanh nghiệp 0303171300. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

| | |
|---------------------------|---|
| Tên tiếng Việt | Công ty cổ phần In Sách Giáo Khoa Tp.HCM |
| Tên giao dịch quốc tế | TEXTBOOK PRINTING JOINT STOCK COMPANY IN HO CHI MINH CITY |
| Tên viết tắt | HCMTPC (SAPCO) |
| Trụ sở chính | 240 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, Tp.HCM |
| Điện thoại | (84) 028 38353171 |
| Fax | (84) 028 38352027 |
| Vốn điều lệ theo GCN ĐKKD | 26.100.000.000 đồng |
| Vốn đã góp đến 31/12/2023 | 12.869.840.000 đồng |
| Giấy CNĐKKD | Số 4103002074 đăng ký lần đầu ngày 30/01/2004, thay đổi lần gần đây nhất ngày 09/05/2022 với mã số 0303171300. |

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 27/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 41/TTGDHN-ĐKGD ngày 27/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 28/03/2018 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có thông báo số 241/TB-SGDHN về việc hủy niêm yết chứng khoán mã chứng khoán SAP kể từ ngày 26/04/2018.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 213/QĐ-SGDHN ngày 26/04/2018 với mã chứng khoán là SAP.

I/ Tình hình Công ty

1. Quá trình phát triển :

Ngành nghề kinh doanh :

- In sách giáo dục, các loại xuất bản phẩm, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội.
- Sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm, văn hóa phẩm.
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

2. Tình hình hoạt động:

- Sản lượng trang in chủ yếu là sách giáo dục của NXBGDVN, tuy nhiên trong năm 2023, sản lượng giao in sách giáo dục không đạt theo chỉ tiêu kế hoạch giao in của NXBGDVN.

- Sản lượng sách giáo dục giao in năm 2023 thấp, chỉ bằng 54,6% so với kế hoạch năm. Nguyên nhân:

✓ Do thay đổi về chính sách, cơ chế và Luật đấu thầu dẫn đến tiến độ giao hàng cho kế hoạch in năm nay chậm hơn các năm trước và sản lượng giao in cũng ít hơn các năm. Từ tháng 4 năm 2023, công ty không có nhiều đơn hàng nên công việc ở các công đoạn không đồng đều, vừa làm vừa chờ việc.

✓ Máy móc thiết bị, công nghệ của Công ty đã quá cũ và lạc hậu nên cũng hạn chế trong việc nhận được các sản phẩm in mới từ NXBGDVN. Công ty đã thanh lý dần một số MMTB cũ và đầu tư máy mới thay thế.

- Do Công ty đang trong quá trình hoàn tất thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định của Sở KHĐT và các cơ quan chức năng theo quy định, công ty đã thực hiện việc giảm dư nợ vay vốn ngân hàng theo đề nghị từ phía ngân hàng.

- Lao động ngành in khan hiếm nên khó tuyển dụng, không đủ lao động đứng máy do đó một số máy còn thiếu thợ, sản lượng trang in NXBGDVN giao giảm, công ty không đủ hàng dẫn đến không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Công ty đã nỗ lực tìm kiếm thêm nguồn hàng ngoài nhưng không bù đắp đủ sản lượng SGK, SBT thiếu hụt.

Vì những lý do nêu trên, Công ty đã không hoàn thành được các chỉ tiêu kết quả kinh doanh năm 2023 do ĐHCĐ giao. Mặc dù không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao nhưng năm qua cũng ghi nhận những mặt tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Doanh thu bằng với 114,7% doanh thu cả năm 2022, lợi nhuận trước thuế 202 triệu đồng so với năm 2022 lỗ 306 triệu đồng.

- Công ty vẫn đảm bảo thu nhập, thực hiện đầy đủ quyền lợi cho người lao động.

- Định hướng phát triển:

a/ In sách giáo dục các loại, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập là hoạt động chủ đạo, phấn đấu để đạt sản lượng trang in, bảo đảm chất lượng và tiến độ, doanh thu và lợi nhuận. Tiếp tục đổi mới công nghệ, thiết bị để đa dạng hóa sản phẩm, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí hạ giá thành, tăng lợi nhuận và mở rộng thị trường.

b/ Công ty cho thuê tạm thời mặt bằng lô đất tại Khu Công nghiệp Cát Lái - Quận 2, TP.HCM để tìm kiếm nguồn thu nhập khác cho công ty.

c/ Về phát triển trung và dài hạn: Công ty phải có định hướng đầu tư đổi mới 01 số máy móc thiết bị ngành in. Có định hướng khai thác và sử dụng hiệu quả lô đất tại Khu Công nghiệp Cát Lái - Quận 2 – TP.HCM

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch và kết quả đạt được trong năm:

- Tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2023 có nợ khó đòi là Công ty TNHH SX TM DV Vạn An với số tiền 75.315.940 đồng từ Tháng 5/2016 đến nay, tỷ lệ thu hồi công nợ là 98,0%, công ty đã trích lập quỹ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 75.315.940 đồng; Vật tư hàng hoá tồn kho ít, chủ yếu là vật tư dự trữ sản xuất, do vậy công ty không phải lập các khoản dự phòng giảm giá.

- Nền kinh tế cả nước đã và đang gặp rất nhiều khó khăn, đến nay vẫn chưa khả quan hơn. Các doanh nghiệp không in ấn, quảng cáo tiếp thị nhiều như trước đây, mặt khác máy móc thiết bị đã quá cũ không đáp ứng được nhu cầu in ấn các sản phẩm ngoài SGD nên nguồn hàng in ngoài không nhiều, không đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, chưa tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

- Thu nhập của công nhân ngành in cả nước nói chung và của công ty nói riêng còn rất thấp, không đảm bảo đời sống của người lao động nên có nhiều lao động nghỉ việc và khó tuyển dụng được lao động mới có tay nghề.

- Trong năm 2023, tiền thuê đất tại 240 Trần Bình Trọng tăng từ 784 triệu đồng/ năm lên 1,246 triệu đồng /năm tăng 58,8% so với năm 2022 việc này làm ảnh hưởng rất lớn đến chi phí, lợi nhuận công ty.

- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam cùng các công ty thành viên là các đơn vị chủ yếu cung cấp nguồn hàng chính cho công ty. Đã giúp công ty ổn định một phần nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm cho người lao động trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn như hiện nay.

2. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

- Tập trung sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, sản lượng, ổn định sản xuất, vượt qua khó khăn để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu được giao.

- Đẩy mạnh liên kết, hợp tác khai thác nguồn hàng ngoài sách giáo dục để phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, đầu tư chiều sâu, tăng doanh thu, lợi nhuận, thúc đẩy phát triển sản xuất, ổn định đời sống CB CNV.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính:

Bảng một số chỉ tiêu đánh giá như sau:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|-------------|----------|----------|
| Cơ cấu tài sản về cơ cấu vốn | | | |
| Cơ cấu tài sản | | | |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 18,4% | 18,4% |
| Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 81,6% | 81,6% |
| Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 38,8% | 34,4% |
| Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 61,15% | 65,6% |
| Khả năng thanh toán | | | |
| Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSLĐ và đầu tư ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn) | Lần | 0,75 | 1,01 |
| Khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ và đầu tư ngắn hạn – HTK/ Tổng nợ ngắn hạn) | Lần | 0,69 | 0,76 |
| Tỷ suất sinh lời | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng Doanh thu | % | 2,2% | (3,9%) |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng doanh thu | % | 2,0% | (3,9%) |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản | % | 1,7% | (3,0%) |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản | % | 1,6% | (3,0%) |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng vốn chủ sở hữu | % | 2,6% | (4,5%) |

Với những lý do nêu trên, Khả năng sinh lời; khả năng thanh toán; Tỷ suất sinh lời của Công ty thấp so với yêu cầu. Trong năm 2023 công ty còn gặp rất nhiều khó khăn nên kết quả không đạt được như mong muốn. Công ty sẽ phấn đấu trong sản xuất kinh doanh để phát huy hiệu quả khi sử dụng vốn đầu tư của cổ đông.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2023 (vốn chủ sở hữu): 6.914.231.649 đồng, bằng 53,7% vốn góp của cổ đông (12.869.840.000 đồng).
- Những thay đổi về vốn cổ đông:
 - + Vốn cổ đông là 12.869.840.000 đồng, trong năm không tăng thêm vốn
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:
 - + Cổ phiếu phổ thông: 1.286.984 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
 - + Cổ phiếu phổ thông: 1.286.984 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- Cổ tức:
 - + Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: Không có cổ tức cho cổ đông.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu kế hoạch về kinh doanh như doanh thu và chỉ tiêu lợi nhuận cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2022 | Kế hoạch 2023 | Thực hiện 2023 | So sánh (%) | |
|-------------------------|-------------------|------------------|-------------------|-------------|-------|
| | | | | 2023/2022 | TH/KH |
| 1. Doanh thu | 7.737 | 10.500 | 8.876 | 114% | 84% |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | (306) | 200 | 202 | | 101% |

3. Báo cáo tài chính:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | TM | 31/12/2023 | 31/12/2022 |
|--|-------------------|----------|-----------------------|-----------------------|
| TÀI SẢN | | | 11.307.909.148 | 10.257.611.033 |
| A- TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.086.593.495 | 1.886.542.245 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 939.701.047 | 1.423.091.876 |
| 1. Tiền | 111 | 5 | 439.701.047 | 423.091.876 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 500.000.000 | 1000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 504.309.017 | 5.340.413 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | 6 | 579.624.957 | 80.656.353 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | | |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | | |
| 3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (75.315.940) | (75.315.940) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 8 | 485.078.418 | 458.109.956 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 7 | 485.078.418 | 458.109.956 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 157.505.013 | |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 157.505.013 | |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | | |
| 4. Thuế và các khoản phải thu NN | 153 | | | |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | | |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 9.221.315.653 | 8.371.068.788 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 836.238.718 | 202.838.718 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 836.238.718 | 202.838.718 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 667.873.608 | 70.271.096 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 667.873.608 | 70.271.096 |
| - Nguyên giá | 222 | | 13.707.580.175 | 16.954.334.699 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (13.039.706.567) | (16.884.063.603) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 240 | 10 | 1.186.677.683 | 1.186.677.683 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.530.525.644 | 6.911.281.291 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 6.530.525.644 | 6.911.281.291 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 11.307.909.148 | 10.257.611.033 |

| | | | | |
|---|------------|-----------|-----------------------|-----------------------|
| NGUỒN VỐN | | | 11.307.909.148 | 10.257.611.033 |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 4.393.677.499 | 3.526.440.512 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 2.766.999.816 | 1.867.762.829 |
| 2. Phải trả người bán | 311 | 12 | 415.845.577 | 263.400.557 |
| 3. Người mua trả tiền trước | | | | |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 313 | 13 | 1.202.933.967 | 53.117.885 |
| 5. Phải trả người lao động | 314 | | 320.971.471 | 260.399.437 |
| 6. Chi phí phải trả | 315 | | 407.415.241 | 275.679.564 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 15 | 140.353.769 | 70.768.212 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 16 | 333.650.653 | 998.568.036 |
| 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | (54.170.862) | (54.170.862) |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 1.626.677.683 | 1.658.677.683 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | | 1.626.677.683 | 1.658.677.683 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 6.914.231.649 | 6.731.170.521 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 13 | 6.914.231.649 | 6.731.170.521 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 17 | 12.869.840.000 | 12.869.840.000 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 17 | 106.664.672 | 106.664.672 |
| 8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 29.714.294 | 29.714.294 |
| 9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 17 | (6.091.987.317) | (6.275.048.445) |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 11.307.909.148 | 10.257.611.033 |

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | TM | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|-------------|----|----------------------|----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 8.876.416.498 | 7.737.713.632 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 8.876.416.498 | 7.737.713.632 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | 6.903.255.885 | 6.054.098.171 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 1.973.160.613 | 1.683.615.461 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 28.173.602 | 28.495.101 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 87.633.641 | 88.568.634 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | 174.674.978 | 208.820.378 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 2.069.148.154 | 1.829.118.080 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (24+25)} | 30 | | (330.122.558) | (414.396.530) |

| | | | | |
|--|-----------|--|--------------------|----------------------|
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 536.979.221 | 107.954.021 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 4.272.954 | 132.487 |
| 13. Lợi nhuận khác(40=31-32) | 40 | | 532.706.267 | 107.821.534 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40) | 50 | | 202.583.709 | (306.574.996) |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | 19.522.581 | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52) | 60 | | 183.061.128 | (306.574.996) |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*) | 70 | | 142 | (238) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | TM | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|-------------|----|----------------------|--------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 9.059.291.770 | 8.147.018.613 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (2.713.418.743) | (2.570.647.196) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (3.711.200.268) | (3.494.518.277) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | | (93.819.632) | (84.010.220) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | | | |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 255.206.115 | 1.348.710.532 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (2.314.079.919) | (2.529.122.121) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 481.979.323 | 817.431.331 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (665.000.000) | |
| 2. Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản | 22 | | 336.373.629 | |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | | |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác | 24 | | | |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 28.173.602 | 28.495.101 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (300.452.769) | 28.495.101 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 1.389.224.291 | 3.579.157.232 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (2.054.141.674) | (3.573.973.047) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (664.917.383) | 5.184.185 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | (483.390.829) | 851.110.617 |

| | | | | |
|---|-----------|--|--------------------|----------------------|
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 1.423.091.876 | 571.981.259 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | | |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | | 939.701.047 | 1.423.091.876 |

IV. Các công ty có liên quan:

Công ty nắm cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký đến ngày 31/12/2023

| Stt | Cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|-----|------------------------------------|------------|---------|
| 1 | Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam | 415.170 | 32,259% |
| 2 | Công ty TNHH ĐT XNK Viễn Đông | 314.900 | 24,468% |
| 3 | Công ty TNHH ĐT BĐS Bến Thành | 300.000 | 23,310% |
| 4 | Công ty TNHH ĐT & PT BĐS Bình Minh | 63.200 | 4,911% |

V. Tổ chức và nhân sự:

1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả cổ đông có sở hữu cổ phần tại thời điểm chốt danh sách đều được tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của công ty.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông và Giám đốc để tổ chức chỉ đạo, lãnh đạo các hoạt động của công ty.

3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. Ban Giám đốc

Ban giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Ban Giám đốc có nhiệm vụ tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, theo Điều lệ Công ty và qui định pháp luật.

Các phòng ban liên quan, xưởng sản xuất.

5. Về nhân sự năm 2023:

Đến ngày 31/12/2023, tổng số CBCNV của Công ty là 41 người. Trong đó, cán bộ quản lý và nhân viên văn phòng là 8 người.

VI. Thông tin cổ đông và Quản trị Công ty

Cơ cấu cổ đông thời điểm 31/12/2023.

| STT | Cổ đông | Chức vụ | Số cổ phần | Tỷ lệ/Vốn điều lệ |
|-----|--------------------------------|-----------------------|------------------|-------------------|
| | Vốn nhà nước | | 415.170 | 32,26% |
| 1 | Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam | | 415.170 | 32,26% |
| | HDQT, BKS, BGD, KTT | | 330 | 0,002% |
| 1 | Ông Nguyễn Đức Toàn | CT HDQT | 0 | 0,000% |
| 2 | Ông Đỗ Thành Lâm | TV HDQT | 330 | 0,002% |
| 3 | Ông Trần Văn Hưng | TV HDQT | 0 | 0,000% |
| 4 | Ông Lâm Drachan | TV HDQT kiêm Giám đốc | 0 | 0,000% |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Cúc | Kế toán trưởng | 0 | 0,000% |
| 6 | Ông Lê Văn Huyền | Trưởng BKS | 0 | 0,000% |
| 7 | Bà Hoàng Ngọc Mai Khanh | TV BKS | 0 | 0,000% |
| 8 | Bà Bùi Thị Ánh Tuyết | TV BKS | 0 | 0,000% |
| | Cổ đông khác | | 871.484 | 67,71% |
| | Tổng cộng | | 1.286.984 | 100,00% |

VII. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC - địa chỉ: 78-80, Đường 30 tháng 4, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

1. Ý kiến kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 17, vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 26.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm 31/12/2023, vốn góp thực tế của các cổ đông là 12.869.840.000 đồng. Đại hội cổ đông bất thường dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 09/09/2022 đã thông qua việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thành vốn thực góp. Hiện nay, Công ty đang làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để được hướng dẫn về thủ tục giảm vốn theo số thực góp.

2. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của Kiểm toán viên:

Ban Giám đốc Công ty thống nhất với ý kiến của Kiểm toán, thực hiện nghiêm chỉnh các khuyến cáo của Kiểm toán viên nhằm mục đích minh bạch, chính xác, đúng các quy định hiện hành, điều lệ công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và đặc thù ngành nghề kinh doanh của công ty.

(Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán)

Tp.HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Giám đốc

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGKCKHN.
- Đăng trang Web công ty.
- Lưu



Lâm Drachan

